

Bản án số: 143/2025/HS-ST

Ngày 14-11-2025

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – QUẢNG NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Phạm Ngọc An.

*Các Hội thẩm nhân dân:* bà Lê Thị Thanh Hương, nghề nghiệp: Giáo viên và bà Phạm Thị Hiền, nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Triệu Sinh Thủy, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2025, tại Phòng Xử án Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 133/2025/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2025/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/HSST-QĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Hoàng Đ** (tên gọi khác: không), sinh ngày 17 tháng 9 năm 2005, tại tỉnh Phú Thọ; nơi thường trú: tổ C, khu G, phường H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 7/12; đoàn thể: không; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Quang V và bà Nguyễn Hoàng L; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 25/7/2021, bị đưa vào trường G1 từ tháng 11/2021 đến tháng 8/2023, về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định số 62/QĐ-TA ngày 18/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh); bị cáo đầu thú ngày 25/7/2025, bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/7/2025, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thế A** (tên gọi khác: không), sinh ngày 08 tháng 10 năm 2005, tại tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: tổ H, khu E, phường H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; đoàn thể: không; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị Việt H; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đầu thú ngày 25/7/2025, bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/7/2025, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

3. Họ và tên: **Phùng Văn T** (tên gọi khác: không), sinh ngày 21 tháng 12 năm 2007 (tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo 17 tuổi 06 tháng 25 ngày), tại tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: tổ G, khu H, phường H, tỉnh Quảng Ninh; nơi tạm trú: tổ D, khu D, phường C, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 10/12; đoàn thể: không; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phùng Văn T1 và bà Phạm Thị H1; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đầu thú ngày 25/7/2025, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh”; có mặt.

4. Họ và tên: **Phùng Ngọc A1** (tên gọi khác: không), sinh ngày 01 tháng 01 năm 2008 (tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo 17 tuổi 06 tháng 15 ngày), tại thành phố Hải Phòng; nơi thường trú: tổ C, khu E, phường C, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 11/12; đoàn thể: không; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phùng Văn H2 và bà Vũ Thị H3; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đầu thú ngày 25/7/2025, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh”; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phùng Ngọc A1*: bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1960; nơi cư trú: tổ C, khu E, phường C, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; là bà họ của bị cáo; có mặt.

- *Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Phùng Văn T*: ông Phùng Văn T1, sinh năm 1977 và bà Phạm Thị H1, sinh năm 1982; nghề nghiệp: Lao động tự do; là bố, mẹ của bị cáo; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phùng Ngọc A1 và bị cáo Phùng Văn T*: bà Đặng Hồng M, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T3; địa chỉ: tầng A, trụ sở liên cơ quan số C, phường H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị hại*:

+ Bà Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1974; địa chỉ: ngõ A, tổ C, khu phố G Hồ N, phường H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

+ Bà Trần Thị Thảo H4, sinh năm 1995; địa chỉ: Căn B, tầng A, chung cư R, phường H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Anh Phạm Quang H5, sinh năm 1997; nơi cư trú: tổ B, khu Y, phường H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1960; địa chỉ: tổ C, khu E, phường C, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- *Người làm chứng*: Phạm Xuân T2, Lương Văn N, Nguyễn Văn C, Trần Văn K; đều vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 00 phút, ngày 16/7/2025, do cần tiền tiêu xài nên Nguyễn Hoàng Đ đã rủ bạn là Nguyễn Thế A, Phùng Văn T vào Kiot tại tổ I, khu D, phường H, tỉnh Quảng Ninh cũng là nơi ở của bà Nguyễn Hoàng L (mẹ của Đ) trộm cắp xe máy SH125i, cả bọn đồng ý. Trên đường đi, Đ đứng lại gần đó để đợi còn Thế A và T đi vào K. Tại đây, Thế A nói với T là cửa sổ nhà bà L hỏng khóa có thể dùng tay mở được, nên T liền dùng hai tay luồn vào dưới cửa, giật thì mở được cửa. Sau đó, T đứng canh giới, Thế A trèo qua cửa sổ vào trong nhà bà L rút dây camera, mở cửa cuốn rồi dắt xe mô tô SH ra khỏi nhà. Thế A và T đẩy xe đến chung cư R gần đó. Lúc này, Phùng Ngọc A1 điều khiển xe mô tô Honda Wave, BKS 14B1-817.25 đến đón Đ (do Đ gọi đến). Đ nói với Ngọc A1 là cả 3 vừa trộm cắp xe máy của bà L và bảo Ngọc A1 giúp đẩy xe đến chung cư T cất giấu. Ngọc A1 chở Đ về phía gần chung cư R thì gặp Thế A và T đang đẩy xe máy SH đến. Lúc này, Thế A ngồi trên xe SH vừa trộm cắp được, Ngọc A1 điều khiển xe mô tô chở Đ và dùng chân phải kê lên chỗ để chân sau bên trái xe SH để đẩy xe đi, còn T ở lại. Trên đường đi Đ nói sẽ cho Ngọc A1 1.000.000 đồng (gồm 500.000 đồng tiền công mang xe đi cất giấu, còn lại là trả nợ). Cả 3 đem xe đến hầm gửi xe chung cư T thuộc phường H thì Đ dắt xe trộm cắp được xuống hầm để gửi xe.

Sau khi cất giấu xe SH, Ngọc A1 chở Đ và Thế A về gặp tài. Trên đường về do biết bà L còn có chiếc điện thoại Iphone 16 Promax, nên Thế A rủ Đ và Ngọc A1 quay lại Kiot trộm cắp điện thoại của bà L. Cả 3 về đứng cách nhà bà L khoảng 30m. Sau đó, Thế A đi bộ về nhà bà L còn Đ và Ngọc A1 đứng đợi. Trên đường vào nhà bà L, Thế A gặp T nên bảo T đứng canh giới, còn mình lên vào phòng ngủ của bà L lấy trộm 01 chiếc điện thoại Iphone 16 Promax mà bà L cất trên đầu giường ngủ. Khi Thế A vừa cất điện thoại vào túi quần định bỏ đi thì bà L tỉnh dậy. Lúc này, Thế A thừa nhận hành vi trộm cắp điện thoại và trả lại điện thoại cho bà L rồi chạy ra chỗ Đ và Ngọc A1 nói lại sự việc sau đó cả bọn bỏ về. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, Ngọc A1 điều khiển xe mô tô chở Đ đến chung cư T để Đ lấy xe SH, trên đường đi Đ đưa cho Ngọc A1 1.000.000 đồng như đã bảo trước đó. Khi đến nơi, Ngọc A1 cùng Đ đem xe sang cửa hàng xe máy Honda đổi điện chung cư để làm chìa khóa xe mới.

Tiếp đến, khoảng 18 giờ 30 phút ngày 18/7/2025, Thế A và T rủ nhau đến chung cư R để trộm cắp tài sản. Cả hai bàn bạc sẽ đi kiểm tra xem căn phòng nào của chung cư sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đến phòng B1001, tầng 10 của chị Trần Thị Thảo H4 thấy cửa phòng không khóa nên T đứng ngoài canh giới còn Thế A vào trộm cắp 01 chiếc loa màu đen nhãn hiệu Harman Kardon (loại loa xách tay) rồi đem bán cho anh Nguyễn Quang H6 chủ cửa hàng điện thoại “Huy Ngập S” tại tổ B, khu D, phường H, tỉnh Quảng Ninh được 300.000 đồng và cùng nhau chi tiêu hết.

Đến ngày 20/7/2025, sau khi bà L trình báo sự việc mất trộm xe máy SH125i, biết sự việc bị bại lộ nên Đ đã đem xe trả cho bà L. Ngày 25/7/2025, Đ, Thế A, T, Ngọc A1 ra đầu thú và giao nộp quần áo mình đã mặc khi trộm cắp tài sản.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 24 ngày 23/7/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Quảng Ninh, kết luận: chiếc xe mô tô Honda SH125i màu trắng, trị giá 74.500.000 đồng; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 16 Promax màu vàng, trị giá 16.500.000 đồng; 01 chiếc loa Harman Karrdon Goplay Mini, trị giá 2.750.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 1246/KL-KTHS ngày 31/8/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận: xe mô tô gắn biển số 14B1-817.25, dán mác Wave &, lốc máy có chữ Honda và xe mô tô không gắn biển số, dán mác SH125i, lốc máy có chữ Honda gửi giám định có số khung, số máy nguyên thủy.

Quá trình điều tra, các bị can Đ, Thế A, T, Ngọc A1 đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng vụ án:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã trả lại 01 xe mô tô Honda SH125i chưa có biển kiểm soát cho bà Nguyễn Hoàng L; trả lại 01 chiếc loa nhãn hiệu Harman Karrdon Goplay Mini cho chị Trần Thị Thảo H4; trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ1 (là bà họ của bị cáo Ngọc A1) 01 xe mô tô Honda Wave, BKS 14B-817.25, do bà Đ1 không biết việc Ngọc A1 tự ý lấy xe của bà Đ1 làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với 01 chiếc kính, 04 chiếc quần, 04 chiếc áo, 06 chiếc dép, 02 chiếc giày, 01 chiếc túi là những đồ vật các bị cáo sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội đã chuyển cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh để bảo quản chờ xử lý theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số: 6196/CT-VKSKV1, ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh truy tố Nguyễn Hoàng Đ, Nguyễn Thế A, Phùng Văn T, về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố Phùng Ngọc A1 về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”, quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Bị hại chị Trần Thị Thảo H4 vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị H4 có quan điểm như sau: chị H4 đã nhận lại chiếc loa Harman Karrdon Goplay Mini, đến nay chị không có yêu cầu gì về tài sản; về hình phạt: chị H4 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quang H6 vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh H6 có quan điểm như sau: anh H6 đã nhận lại đủ số tiền 300.000 đồng của gia đình bị cáo Nguyễn Thế A và gia đình bị cáo Phùng Văn T. Đến nay, anh H6 không yêu cầu gì.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Hoàng Đ, Nguyễn Thế A, Phùng Văn T khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và bị cáo Phùng Ngọc A1 khai nhận đã thực hiện

hành vi trộm cắp tài sản và hành vi chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có như nội dung vụ án nêu trên.

Bị hại bà Nguyễn Thị L1 trình bày: bà L1 đã nhận lại chiếc xe mô tô không gắn biển số, dán mác SH125i, đến nay bà không yêu cầu gì; về hình phạt: bà L1 xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bà Nguyễn Thị Đ1 trình bày: bà Đ1 đã nhận lại chiếc xe mô tô gắn biển số 14B1-817.25. Đến nay, bà Đ1 không yêu cầu gì.

\* Phần tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Hoàng Đ từ 36 (ba mươi sáu) tháng đến 42 (bốn mươi hai) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/7/2025.

Xử phạt: Nguyễn Thế A 36 (ba mươi sáu) tháng đến 42 (bốn mươi hai) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/7/2025.

Căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65, Điều 91 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179, Điều 124 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt: Phùng Văn T từ 24 (hai mươi tư) tháng đến 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, điểm a khoản 1 Điều 55, Điều 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65, Điều 91 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179, Điều 124 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt: Phùng Ngọc A1 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Trộm cắp tài sản”; từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tổng hợp hình phạt: bị cáo Phùng Ngọc A1 phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (hai mươi tư) tháng đến 36 (ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Phùng Văn T, Phùng Ngọc A1 cho Ủy ban nhân dân phường C, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị

kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Trong trường hợp, người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: bị hại bà Nguyễn Thị L1, chị Trần Thị Thảo H4 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quang H6 không yêu cầu gì, nên không đề cập xử lý.

- Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc kính mắt có gọng kính màu đen; 04 (bốn) chiếc quần (gồm: 01 quần đùi màu đen có họa tiết in hoa; 01 quần lửng màu đen có túi kéo khóa, 01 quần dài màu đen; 01 quần đùi màu đen bên phải có 3 dòng kẻ màu trắng); 03 (ba) đôi dép (gồm: 01 đôi dép có quai màu xanh thẫm, đế dép màu trắng; 01 đôi dép màu đen; 01 đôi dép màu trắng); 04 (bốn) chiếc áo (gồm: 01 áo phông màu đen ngắn tay, trước áo có dòng chữ “DolceBgabbma”; 01 áo sơ mi dài tay màu đen; 01 áo phông ngắn tay màu đen, trước ngực áo có chữ “BALENCIAGA”; 01 áo phông ngắn tay màu đen, trước ngực áo bên trái có họa tiết màu vàng hình con bướm đội vương miện); 01 (một) đôi giày màu đen, có họa tiết mặt người màu đỏ, viền màu trắng; 01 (một) chiếc túi dây đeo màu nâu, viền màu nâu.

Bị cáo Phùng Ngọc A1 nộp 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, tiền do phạm tội mà có sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i (chưa có biển kiểm soát), chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị L1; 01 chiếc loa nhãn hiệu Harman Karrdon Goplay Mini của chị Trần Thị Thảo H4; 01 xe mô tô Honda Wave, biển kiểm soát 14B-817.25 chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị Đ1, bà Đ1 không biết việc bị cáo Phùng Ngọc A1 tự ý lấy xe của bà làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Ngày 14/9/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã trả lại các tài sản nêu trên cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng, đảm bảo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên không đề cập xử lý.

Các bị cáo không tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo Phùng Văn T và Phùng Ngọc A1 là bà Đặng Hồng M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản bào chữa gửi Tòa án, lời bào chữa như sau: các bị cáo Phùng Văn T và Phùng Ngọc A1 đã nhận thức được hành vi sai trái mà các bị cáo thực hiện. Do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ở độ tuổi chưa thành niên (chưa đủ 18 tuổi), nhận thức pháp luật bị hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét

xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất nhằm giúp các bị cáo nhận thức được sai lầm và có cơ hội được học tập, học nghề.

Người đại diện của bị cáo Phùng Văn T, Phùng Ngọc A1 không có ý kiến bào chữa.

Bị hại bà Nguyễn Thị L1 không trình bày ý kiến tranh luận.

\* Về lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo đều đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]** Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

**[2]** Về hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: xét lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận: khoảng 02 giờ ngày 16/7/2025, tại tổ I, khu D, phường H, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Hoàng Đ, Nguyễn Thế A, Phùng Văn T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô Honda SH125i của bà Nguyễn Hoàng L, trị giá 74.500.000 đồng. Phùng Ngọc A1 mặc dù biết tài sản trên do trộm cắp mà có nhưng đã giúp Nguyễn Hoàng Đ đem xe đi cất giấu và được Nguyễn Hoàng Đ trả công 500.000 đồng. Sau đó, Đ, Thế A, Ngọc A1 và T tiếp tục quay lại nhà bà L trộm cắp 01 chiếc điện thoại Iphone 16 Promax, trị giá 16.500.000 đồng của bà L. Khi Thế A vừa lấy điện thoại định bỏ đi thì bị bà L phát hiện nên đã trả lại điện thoại. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 91.000.000 đồng.

Khoảng 08 giờ ngày 18/7/2025, Nguyễn Thế A và Phùng Văn T còn có hành vi trộm cắp 01 chiếc loa Harman Kardon, trị giá 2.750.000 đồng của chị Trần Thị Thảo H4 tại căn hộ B, tầng A, chung cư R, thuộc phường H, tỉnh Quảng Ninh rồi đem bán lấy 300.000 đồng ăn tiêu hết.

Bị cáo Nguyễn Hoàng Đ, Nguyễn Thế A, Phùng Văn T, Phùng Ngọc A1 thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác là khách thể được Luật hình sự bảo vệ.

Do đó, hành vi như nêu trên của bị cáo Nguyễn Hoàng Đ, Nguyễn Thế A, Phùng Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; hành vi như nêu trên của bị cáo Phùng Ngọc A1 đủ yếu tố cấu thành của tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173

Bộ luật Hình sự và tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”, quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng Đ, Nguyễn Thế A, Phùng Văn T, về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phùng Ngọc A1 về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 và tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

### **[3] Về vai trò của các bị cáo:**

Vai trò của các bị cáo Nguyễn Hoàng Đ, Nguyễn Thế A, Phùng Văn T liên quan đến hành vi trộm cắp xe mô tô Honda SH125i: bị cáo Đ là người khởi xướng, bị cáo Thế A là người trực tiếp thực hiện việc trộm cắp chiếc xe và bị cáo T là người cảnh giới. Nên bị cáo T giữ vai trò sau bị cáo Đ và Thế A.

Vai trò của các bị cáo Nguyễn Hoàng Đ, Nguyễn Thế A, Phùng Văn T, Phùng Ngọc A1 liên quan đến trộm cắp chiếc điện thoại Iphone 16 P: bị cáo Thế A là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, bị cáo T là người cảnh giới, bị cáo Đ và bị cáo Ngọc A1 không phản đối gì và đứng bên ngoài chờ. Nên bị cáo T, Đ, Ngọc A1 giữ vai trò sau bị cáo Thế A.

Vai trò của bị cáo Nguyễn Thế A, Phùng Văn T liên quan đến hành vi trộm cắp chiếc loa Harman Kardon: bị cáo Thế A là khởi xướng và trực tiếp trộm cắp chiếc loa, bị cáo T là người cảnh giới, nên bị cáo T có vai trò sau bị cáo Thế A.

**[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** bị cáo Nguyễn Hoàng Đ 02 lần trộm cắp tài sản, bị cáo Nguyễn Thế A, Phùng Văn T 03 lần trộm cắp tài sản và các lần này đều đủ yếu tố cấu thành cơ bản của tội “Trộm cắp tài sản” (đều trên 2.000.000 đồng), nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra bị cáo Nguyễn Hoàng Đ, Nguyễn Thế A là người đã thành niên có hành vi xúi khiến, dụ dỗ, thúc đẩy bị cáo Phùng Văn T, Phùng Ngọc A1 (là người chưa đủ 18 tuổi) thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Nên bị cáo Nguyễn Hoàng Đ, Nguyễn Thế A bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Hoàng Đ bị đưa vào trường giáo dưỡng từ tháng 11/2021 đến tháng 8/2023, về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định số 62/QĐ-TA ngày 18/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh), nên Hội đồng xét xử cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Đ.

**[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi bị hại bà Nguyễn Thị L1 trình báo cơ quan chức năng về việc tài sản bị trộm cắp, bị cáo Nguyễn Hoàng Đ, Phùng Văn T, Nguyễn

Thế A đã thống nhất trả lại tài sản cho bà L1; bị cáo Nguyễn Thế A và Phùng Văn T đã tác động gia đình trả tiền cho người có quyền lợi, nghỉ vụ liên quan anh Nguyễn Quang H6. Nên, các bị cáo Nguyễn Hoàng Đ, Phùng Văn T, Nguyễn Thế A được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Khắc phục hậu quả” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự. Ngoài ra, bị hại bà Nguyễn Thị L1 xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

**[6] Về áp dụng hình phạt chính:**

Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng Đ, Nguyễn Thế A: khung hình phạt áp dụng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng Đ, Nguyễn Thế A.

Đối với bị cáo Phùng Văn T: khung hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện được quy định tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 06 tháng 25 ngày.

Đối với bị cáo Phùng Ngọc A1: khung hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện được quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo 17 tuổi 06 tháng 15 ngày; bị cáo bị xét xử trong cùng một lần về hai tội ít nghiêm trọng (tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 và tội “Chứa chấp tài sản do phạm tội mà có”, quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự).

Đối chiếu quy định tại Điều 2, Điều 3 Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, thì bị cáo Phùng Văn T, Phùng Ngọc A1 đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 2 và không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 3 của Nghị quyết số 02 nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết bắt bị cáo Phùng Văn T, Phùng Ngọc A1 chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo được hưởng án treo (biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện) vừa đảm bảo tính răn đe, tính chất nhân đạo, khoan hồng của pháp luật và đảm bảo nguyên tắc xử lý lý đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định tại Luật Tư pháp người chưa thành niên.

**[7] Về hình phạt bổ sung:**

Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét bị cáo Nguyễn Hoàng Đ, Nguyễn Thế A không có việc làm, thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đ và Thế A.

Tại khoản 6 Điều 91 của Bộ luật Hình sự quy định: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phùng Văn T và bị cáo Phùng Ngọc A1.

**[8] Về trách nhiệm dân sự:**

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quang H6 đã được gia đình bị cáo Nguyễn Thế A và Phùng Văn T trả lại 300.000 đồng. Đến nay, anh H6 không yêu cầu gì thêm. Nên, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Bà Nguyễn Thị L1, chị Trần Thị Thảo H4, bà Nguyễn Thị Đ1 đã nhận lại tài sản. Đến nay, bà L1, chị H4, bà Đ1 không yêu cầu gì liên quan đến trách nhiệm dân sự. Nên, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

**[9] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:**

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i (chưa có biển kiểm soát), chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị L1; 01 chiếc loa nhãn hiệu Harman Karrdon Goplay Mini của chị Trần Thị Thảo H4; 01 xe mô tô Honda Wave, biển kiểm soát 14B-817.25 chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị Đ1 (bà Đ1 không biết việc bị cáo Phùng Ngọc A1 tự ý lấy xe của bà làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội). Ngày 14/9/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã trả lại các tài sản nêu trên cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng, đảm bảo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Đối với 01 chiếc kính mắt có gọng kính màu đen; 04 chiếc quần (gồm: 01 quần đùi màu đen có họa tiết in hoa; 01 quần lửng màu đen có túi kéo khóa, 01 quần dài màu đen; 01 quần đùi màu đen bên phải có 3 dòng kẻ màu trắng); 03 đôi dép (gồm: 01 đôi dép có quai màu xanh thẫm, đế dép màu trắng; 01 đôi dép màu đen; 01 đôi dép màu trắng); 04 chiếc áo (gồm: 01 áo phông màu đen ngắn tay, trước áo có dòng chữ “DolceBgabbma”; 01 áo sơ mi dài tay màu đen; 01 áo phông ngắn tay màu đen, trước ngực áo có chữ “BALENCIAGA”; 01 áo phông ngắn tay màu đen, trước ngực áo bên trái có họa tiết màu vàng hình con bướm đội vương miện); 01 đôi giày màu đen, có họa tiết mặt người màu đỏ, viền màu trắng; 01 chiếc túi dây đeo màu nâu, viền màu nâu đều không còn giá trị sử dụng. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy đối với các đồ vật nêu trên.

Đối với số tiền 500.000 đồng bị cáo Đ1 trả công cho bị cáo Phùng Ngọc A1 đem cất giấu tài sản trộm cắp được (tiền do phạm tội mà có). Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, bị cáo Phùng Ngọc A1 phải nộp 500.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

**[10] Về lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát:** xét những chứng cứ mà Kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo đã được cơ quan điều tra thu thập theo đúng trình tự, thủ tục mà Bộ luật Tố tụng hình sự quy định; tại phiên tòa các bị cáo cũng đã thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Nên lời buộc tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[11] Về án phí:** các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

**[12]** Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

**[13]** Liên quan trong vụ án: anh Nguyễn Quang H6 không biết chiếc loa Phùng Văn T và Nguyễn Thế A mang đến bán là tài sản do trộm cắp mà có, nên không đề cập xử lý.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Hoàng Đ 36 (ba mươi sáu) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/7/2025.

Xử phạt: Nguyễn Thế A 36 (ba mươi sáu) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/7/2025.

Căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65, Điều 91 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179, Điều 124 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt: Phùng Văn T 24 (hai mươi tư) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, điểm a khoản 1 Điều 55, Điều 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65, Điều 91 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179, Điều 124 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt: Phùng Ngọc A1 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Trộm cắp tài sản”; 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tổng hợp hình phạt: bị cáo Phùng Ngọc A1 phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phùng Văn T, Phùng Ngọc A1 cho Ủy ban nhân dân phường C, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Trong trường hợp, người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ

theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về biện pháp tư pháp, về xử lý vật chứng: căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc kính mắt có gọng kính màu đen; 04 (bốn) chiếc quần (gồm: 01 quần đùi màu đen có họa tiết in hoa; 01 quần lửng màu đen có túi kéo khóa, 01 quần dài màu đen; 01 quần đùi màu đen bên phải có 3 dòng kẻ màu trắng); 03 (ba) đôi dép (gồm: 01 đôi dép có quai màu xanh thẫm, đế dép màu trắng; 01 đôi dép màu đen; 01 đôi dép màu trắng); 04 (bốn) chiếc áo (gồm: 01 áo phông màu đen ngắn tay, trước áo có dòng chữ “DolceBgabbma”; 01 áo sơ mi dài tay màu đen; 01 áo phông ngắn tay màu đen, trước ngực áo có chữ “BALENCIAGA”; 01 áo phông ngắn tay màu đen, trước ngực áo bên trái có họa tiết màu vàng hình con bướm đội vương miện); 01 (một) đôi giày màu đen, có họa tiết mặt người màu đỏ, viền màu trắng; 01 (một) chiếc túi dây đeo màu nâu, viền màu nâu.

Bị cáo Phùng Ngọc A1 nộp 500.000 (năm trăm nghìn) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Hoàng Đ, Nguyễn Thế A, Phùng Văn T, Phùng Ngọc A1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1, 2, 4 Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: bị cáo, người đại diện của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 – QN;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh QN;
- Trại Tạm giam CA tỉnh QN;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh QN;
- Phòng CSTHA và HTTP CA tỉnh QN;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người đại diện của bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Phạm Ngọc An**



